TÒA ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 06/9/2022
V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán sơ cấp - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Hằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Quốc Đạt và Bà Ngô Thị Mai.

***- Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 06/9/2022, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Thân Văn T, sinh năm 1992 - (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Hồ Thanh, xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Chị Vũ Thị Minh N, sinh năm 1994 - (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đồi Bụt, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân gia đình ghi ngày 19/5/2022 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn anh Thân Văn T trình bày:

Anh kết hôn với chị Vũ Thị Minh N vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 10/11/2015, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị N về nhà anh chung sống. Thời kỳ đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh muốn chị N ở nhà trông con nhưng chị N không đồng ý và đi làm công nhân nên

dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến tháng 02/2022, chị N về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt quan hệ tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dài, không quan tâm gì đến nhau nữa nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Minh N.

+ *Về con chung:* Vợ chồng anh có 02 con chung là Thân Thị Thanh Tâm, sinh ngày 27/12/2016 và Thân Thị Như Quỳnh, sinh ngày 11/9/2019. Hiện cả hai con đang ở với anh, các con khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nay vợ chồng ly hôn, nguyên vọng của anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm, anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh. Anh không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất canh tác*: Vợ chồng anh đã tự thoả thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay Thân Văn T có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn chị Vũ Thị Minh N: Tại bản tự khai ghi ngày 15/6/2022 và các lời khai tiếp theo chị Vũ Thị Minh N trình bày: Chị và anh Thân Văn T kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang. Sau khi cưới, chị về nhà anh T chung sống. Thời kỳ đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, phía anh T muốn chị ở nhà trông con nhưng chị không đồng ý và chị đã đi làm công nhân để có thể tự chủ về tài chính nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến tháng 02/2022, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T xin ly hôn chị không đồng ý.

+ *Về con chung:* Vợ chồng chị có 02 con chung là Thân Thị Thanh Tâm, sinh ngày 27/12/2016; Thân Thị Như Quỳnh, sinh ngày 11/9/2019. Hiện hai con đang ở với anh T, các con khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm còn chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất canh tác*: Vợ chồng chị tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Vũ Thị Minh N vắng mặt lần thứ hai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật củaThẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ tranh chấp. Việc giao gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đầy đủ, đúng quy định; HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, nguyên đơn anh Thân Văn T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị N. Bị đơn chị Vũ Thị Minh N vẫn vắng mặt.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

+ Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, Xử cho anh Thân Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Minh N.

+ Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận Anh Thân Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thân Thị Thanh Tâm, sinh ngày 27/12/2016; chị Vũ Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thân Thị Như Quỳnh, sinh ngày 11/9/2019. Chị N, anh T không yêu cầu bên kia phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng và tiền tố tụng****:* Xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Thân Văn T là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định. Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án*****:** Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, các đương sự có địa chỉ cư trú tại huyện Lạng Giang. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về căn cứ áp dụng pháp luật***: Do các bên kết hôn với nhau đã đủ điều kiện kết hôn và đã có giấy chứng nhận kết hôn hợp pháp, do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Hôn nhân gia đình 2014 để giải quyết.

[4] ***Về nội dung vụ kiện*:**

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Thân Văn T và chị Vũ Thị Minh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, gia đình anh T muốn chị N ở nhà trông con nhưng chị N không đồng ý và chị N đã đi làm công nhân để có thể tự chủ về tài chính nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Hiện tại, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang sinh sống. Anh T xin ly hôn chị N không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để vợ chồng anh T, chị N về với nhau nhưng anh T vẫn nhất quyết tha thiết đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Qua lời khai của các đương sự và xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian sống chung anh T, chị N đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Tại phiên toà, anh T vẫn cương quyết xin ly hôn với chị N, không đồng ý đoàn tụ nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Thân Văn T, xử cho anh T được ly hôn với chị Vũ Thị Minh N là phù hợp với các Điều 51; Điều 56; Điều 58 luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Thân Thị Thanh Tâm, sinh ngày 27/12/2016 và Thân Thị Như Quỳnh, sinh ngày 11/9/2019. Hiện hai con đang ở với anh T, các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường.

Nay cả anh T và chị N đều đồng ý mỗi người nuôi một con chung, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thân Thị Thanh Tâm, sinh ngày 27/12/2016; chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thân Thị Như Quỳnh, sinh ngày 11/9/2019. Cả chị N và anh T đều không yêu cầu bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, thoả thuận này của anh T, chị N là hoàn toàn hợp pháp, đảm bảo được sự phát triển của các cháu, các bên có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, là phù hợp Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình.

[4.3] Về tài sản, ruộng canh tác: Cả anh T và chị N đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết do vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Thân Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Minh N.

2. Về con chung: Giao anh Thân Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thân Thị Thanh Tâm, sinh ngày 27/12/2016; chị Vũ Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thân Thị Như Quỳnh, sinh ngày 11/9/2019. Chị N, anh T đều không yêu cầu bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Thân Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012913 ngày 03/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho các đương sự đều vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận tống đạt án vắng mặt hoặc được niêm iết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Nghĩa Hoà;
- Các đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hằng